

Số: 1314/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 20 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1250/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Tân T, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh L, tỉnh Quảng T.

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1995

Thường trú: Thôn Tân T, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh L, tỉnh Quảng T.

Địa chỉ cư trú: Số 125/7/1 đường Lê Hoàng Pi, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2013 quyền số 01/2013 ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, huyện Vĩnh L, tỉnh Quảng T.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 01/10/2020; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12/10/2020; ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/02/2015; việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện ly hôn; thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2013 quyền số 01/2013 ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, huyện Vĩnh L, tỉnh Quảng T cấp cho ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/02/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H, mỗi người chịu 150.000 đồng, nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0027111 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND xã Vĩnh T, huyện Vĩnh L,
tỉnh Quảng T;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Cúc